

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DX
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2019/HS-ST
Ngày 01-3-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DX - TỈNH QUẢNG NAM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Quốc

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Sơn Hải và ông Trần Quốc Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Vân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện DX

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện DX tham gia phiên tòa: Ông Hà Đức Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 3 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện DX, tỉnh QN xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 08/2019/TLST-HS ngày 30 tháng 01 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2019/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 02 năm 2019 đối với:

Bị cáo Trần Quang T - sinh ngày 20/8/1987, tại huyện QS, tỉnh QN; Nơi cư trú: tổ dân phố Lãnh Thượng 1, thị trấn Đông Phú, huyện QS, tỉnh QN; Nghề nghiệp: không; Trình độ học vấn: 11/12; Dân tộc: kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam;

Con ông Trần Quang TT(đã chết) và bà Huỳnh Thị H; Bị cáo là con thứ hai trong gia đình có 03 chị em, chưa có vợ con; Tiền án: không; Tiền sự: 01 tiền sự: ngày 06/01/2016 bị TAND quận 8 thành phố Hồ Chí Minh áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc 19 tháng, ngày 15/5/2017 chấp hành xong;

Về nhân thân: Ngày 15/7/2009 bị TAND huyện QS, tỉnh QN xử phạt 12 tháng tù giam về tội “Trộm cắp tài sản”; Ngày 29/01/2010 bị TAND huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi xử phạt 60 tháng tù giam về tội “Cướp giật tài sản”, tổng hợp hình phạt 70 tháng 02 ngày giam, đến ngày 22/01/2014 chấp hành xong; Bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện DX từ ngày 24/01/2018 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư Nguyễn Thành Quý – văn phòng luật sư Nguyễn Thành Quý – đoàn luật sư tỉnh QN – số 08 Trần Thị Lý, phường Hòa Thuận, TP Tam Kỳ, tỉnh QN, có mặt.

Người tham gia tố tụng khác:

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, đồng thời là người làm chứng:

- Ông Nguyễn Lương T - sn 1992; Trú tại: khối N T, phường Đ A, thị xã Đ B, tỉnh QN.
- Ông Đoàn Nhật T- sn 1989; Trú tại: KP C H, TT N Ph, huyện DX, tỉnh QN.
- Ông Phạm N – sn 1983; Trú tại tổ dân phố T A, thị trấn Đ P, huyện QS, tỉnh QN.
(Qua xác minh N đã chết vào tháng 9/2018)
- Ông Trần Văn Phúc – sn 1996; Trú tại tổ dân phố L T 2, thị trấn Đ P, huyện QS, tỉnh QN.
- Ông Nguyễn T2 D- sn 1987; Trú tại thôn 2 A, xã Quế Châu, huyện QS, tỉnh QN.
- Ông Hồ Huy Q- sn 1993; Trú tại: thôn L K, xã H H, huyện H Đ, tỉnh QN.
- Ông Mai Văn D- sn 1998; Trú tại thôn B S, xã Q T, huyện H Đ, tỉnh QN. Tất cả đều vắng mặt tại phiên tòa.

Người làm chứng

- Ông Lưu Văn C - sn 1983; Trú tại: thôn D M T, xã QX 1, huyện QS, tỉnh QN, vắng mặt
- Ông Nguyễn Đức H - sn 1997; Trú tại: thôn P B, xã D T, huyện DX, tỉnh QN, có mặt
- Bà Nguyễn Thị Thu T (bé Đen) – sn 1989; Trú tại 1092 Ngô Q, phường A H Tây, quận ST, TP Đ N, vắng mặt.
- Bà Nguyễn Thị Thu H – sn 1992; Trú tại: thôn 7, thị trấn H A, huyện QS, tỉnh QN, vắng mặt.
- Bà Phan Thị Vi U – sn 1990; Trú tại: xã Bình Nguyên, huyện Thăng Bình, tỉnh QN, vắng mặt.
- Bà Võ Thị C – sn 1963; Trú tại thôn P B, xã D T, huyện DX, tỉnh QN, vắng mặt.
- Bà Phạm Thị U – sn 1991; Trú tại: thôn X Đ, xã Đ Q, thị xã Đ B, tỉnh QN, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 15h10' ngày 24/01/2018, tổ công tác Công an huyện DX tiến hành kiểm tra xe taxi Thu Bồn, BKS 92A-059.09 do ông Lưu Văn Chính điều khiển, trên xe lúc này có 03 người khách gồm: Trần Quang T, Đoàn Nhật T và Nguyễn Lương T. Qua kiểm tra trên xe taxi Cơ quan Cảnh sát điều tra đã phát hiện và thu giữ tại sát bên trái

ghế phụ nơi Trần Quang T đang ngồi có 01 gói thuốc lá hiệu White Horse bên trong có chứa 01 gói ny lông chứa chất tinh thể màu trắng nghi là chất ma túy tổng hợp, tiếp tục kiểm tra phát hiện trong gói bao ny lông T2 đem theo có 01 cây roi điện, 01 bình xịt hơi cay, 01 ĐTDĐ Nokia màu xanh (sim số 0933880521), 01 máy tính bảng hiệu Huawei, 01 bình thủy tinh. Ngoài ra phát hiện và thu giữ tại túi áo khoác T2 đang mặc 01 ống thủy tinh (nỏ) dùng để sử dụng ma túy, 01 ĐTDĐ màu trắng hiệu MI và số tiền 4.250.000đ.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra, Đoàn Nhật T và Nguyễn Lương T đều khai nhận như sau: Vào sáng ngày 24/1/2018, T rủ T3 góp tiền mua ma túy để sử dụng thì T3 đồng ý, T3 đưa cho T 200.000đ rồi T mượn điện thoại của T3 số 0868600637 gọi cho Trần Quang T qua số điện thoại 0933880521 để mua ma túy nhưng không được. Khoảng 30 phút sau, T2 đi taxi đến phòng trọ của T và T hỏi T2 có đồ không (ma túy không) để cho T cái 3 (*nghĩa là bán cho tôi gói ma túy với giá 300.000 đồng*) thì T2 đồng ý rồi T2 đi ra ngoài. Khoảng 10 phút sau T2 đi vào phòng trọ, T đưa T2 300.000 đồng và T2 đưa cho T gói ma túy. Lúc này, T, T3 và T2 cùng nhau sử dụng ma túy tại phòng trọ của T. Khi đang cùng nhau sử dụng ma túy, T2 thấy trong phòng có dư cái nỏ thủy tinh (là dụng cụ sử dụng ma túy) nên T2 xin về sử dụng. Lúc này, T rủ T2 hôm nào rảnh đi VD chơi, T2 đồng ý rồi đi về. Đến trưa cùng ngày, T tiếp tục dùng điện thoại của T3 điện thoại cho T2 hỏi mua một gói ma túy đá với giá 500.000đ nhưng không được, T có nhắn tin cho T2, nội dung là mua ma túy. Khoảng 02 tiếng đồng hồ sau T2 đến phòng trọ của T. Khi gặp T, T2 hỏi T “*lấy đồ hả*”, T trả lời “*ừ lấy cho cái 5*” nghĩa là bán cho một gói ma túy đá với giá 500.000đ, T2 đồng ý và đi ra ngoài một lúc sau T2 quay vào lại phòng trọ, T đưa cho T2 500.000đ rồi T2 lấy gói ma túy trong người ra để chuẩn bị bán cho T. Cùng lúc này T2 hỏi T “*rửa có ra VD chơi không*”, T trả lời “*ừ đi thì đi, chừ đi luôn*” và rủ T3 đi cùng. Nghe T nói vậy, T2 cắt gói ma túy vào lại, lúc này T3 về nhà thay đồ, T đi tắm rồi cùng T2 đi ra taxi trước để đợi T3. Cùng lúc này Phan Xuân T (*sinh năm 1991, trú tại Phong Nhị, Điện An, Điện Bàn là bạn của T*) đi xe máy đến báo tin cho T biết là cha của T bị đau nặng, do máy điện thoại của T hết pin nên T đã đổi lấy điện thoại của Thắng để liên lạc với gia đình và có nhờ T2 cho đi taxi xuống NP để đón xe về nhà. Khi T3 quay lại thì cả 03 lên taxi (*T2 ngồi ghế phụ bên tài xế còn T và T3 ngồi ghế sau*). Trên đường đi, T2 đem gói ma túy đá kẹp bên ngoài gói thuốc hiệu White Horse quay xuống dưới đưa cho T nhưng T nói với T2 không mua nữa vì gia đình có việc, sau đó T2 bỏ gói ma túy vào bên trong gói thuốc hiệu White Horse rồi để tại bên trái ghế sát nơi T2 ngồi cho đến khi Công an kiểm tra, phát hiện và thu giữ.

Ngày 25/01/2018, Cơ quan CSĐT tiến hành khám xét tại phòng 104 Khách sạn MS (nơi T2 thuê trọ) thu giữ: 01 gói ma túy đá dưới nệm giường, 01 cân tiểu ly, 01 bình xịt hơi cay, 01 cây roi điện, 01 ĐTDĐ Nokia màu đen không có cục pin, 03 kéo kim loại, 04 ống hút nhựa, 01 đoạn su màu trắng, 02 ống hút nhựa cắt nhọn một đầu, 01 cuộn băng keo đen, 08 vỏ bao ni lông cắt hở một đầu, 01 vỏ nắp nhựa trên nắp có hai lỗ tròn, 02 mẫu giấy màu trắng có quần băng keo đen bên ngoài.

Qua quá trình mở rộng điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã xác định Trần Quang T có hành vi mua bán trái phép chất ma túy cho các đối tượng, cụ thể như sau:

1. Nguyễn Lương T mua ma túy của T2 03 lần:

Lần 1: Vào chiều 21/01/2018, T liên lạc với Trần Quang T qua số điện thoại 0933880521 hỏi mua một gói ma túy đá với giá 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) T2 đồng ý và hẹn T đến khách sạn MS thuộc Kp Long Xuyên 3, TT NP, DX để giao dịch. Sau khi mua được ma túy từ T2, T đem về phòng trọ của mình sử dụng hết.

Lần 2: Vào chiều 22/01/2018, T3 góp 150.000đ (một trăm năm mươi ngàn đồng) và T góp 350.000đ (ba trăm năm mươi ngàn đồng) sau đó T điện thoại cho T2 hỏi mua một gói ma túy đá với giá 500.000đ (năm trăm ngàn đồng) và T2 cũng hẹn T đến khách sạn MS để giao. Sau khi mua ma túy xong, T đem về phòng trọ của mình cùng T3 sử dụng.

Lần 3: Chiều ngày 23/1/2018, T rủ T3 sử dụng ma túy nhưng cả hai không có tiền. T điện thoại cho T2 hỏi mua một gói ma túy đá với giá 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) và yêu cầu T2 đem ma túy đến phòng trọ. Khi T2 đến điểm hẹn T nói cho nợ nhưng T2 không đồng ý bán nên T2 đi về.

2. Phạm Ngọc khai nhận: Khoảng cuối tháng 01 năm 2018, Ngọc dùng số điện thoại 0917928840 liên lạc với T2 qua số điện thoại 0933880521 để mua một gói ma túy đá với giá 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) và yêu cầu T2 đem ma túy đến ngã ba C N, QT, QS để giao dịch thì T2 đồng ý. Sau đó Ngọc đến điểm hẹn đưa tiền cho T2 và nhận gói ma túy mang về sử dụng.

3. Trần Văn Phúc khai nhận: Vào khoảng cuối tháng 11/2017 (không nhớ ngày cụ thể) đã 03 lần mua ma túy đá của T2 để sử dụng, mỗi lần mua với số tiền 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tại nhà T2. Các lần mua ma túy Phúc đều dùng số điện thoại 0911560149 liên lạc với T2 qua số điện thoại 0933880521.

4. Nguyễn T2 Dương khai nhận: Vào khoảng đầu tháng 01/2018 (không nhớ ngày cụ thể) đến ngày 21/01/2018, Dương đã 04 lần mua ma túy đá của T2 để sử dụng. Trong đó 02 lần mua với số tiền 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tại nhà T2 và 02 lần mua với số tiền 500.000đ (năm trăm ngàn đồng) tại khu vực nhà máy dăm gần nhà T2. Mỗi lần mua ma túy Dương đều dùng số điện thoại 0943315600 liên lạc với T2 qua số điện thoại 0933880521.

5. Hồ Huy Q khai nhận: Vào khoảng cuối tháng 11/2017 đến đầu tháng 12/2017 (không nhớ ngày cụ thể) đã 04 lần mua ma túy của T2 để sử dụng. Trong đó 02 lần (với số tiền 300.000đ) mua ma túy tại khu vực nhà máy dăm gần nhà T2 và 02 lần mua ma túy tại nhà T2 (01 lần với số tiền 500.000đ; 01 lần số tiền 300.000đ và Quý đi cùng Mai Văn D trú tại Quế Thọ, Hiệp Đức, sau đó cả hai mang ma túy về sử dụng hết). Trong các lần mua ma túy Quý đều sử dụng số điện thoại 0981893474 liên lạc với T2 qua số điện thoại 0933880521.

6. Mai Văn D khai nhận vào khoảng thời gian cuối tháng 11 đến đầu tháng 12 năm 2017 có đi cùng Hồ Huy Q đến nhà T2 mua một gói ma túy với giá 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) sau đó mang về cùng Hồ Huy Q sử dụng.

Tại kết luận giám định số 12/GĐĐV-PC54 ngày 01/02/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh QN kết luận: Gói chất rắn thu giữ trên xe taxi và gói chất rắn thu giữ trong quá trình khám xét là chất ma túy tổng hợp Methamphetamine có khối lượng lần lượt là: 1,397gam và 5,226gam.

Tại Kết luận giám định số 18/PC54 ngày 01/02/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh QN kết luận: Thu thập dấu vân tay trên chiếc cân tiểu ly thu giữ tại phòng 104 của khách sạn MS thì phát hiện 03 (ba) dấu vết đường vân trên chiếc cân tiểu ly. Dấu vết đường vân thu được trên chiếc cân tiểu ly với dấu vết vân tay ở ô “Giữa trái” và “Trỏ trái” trên chỉ bản mẫu so sánh đứng tên Trần Quang T là dấu vân tay của cùng một người.

Ý kiến của người bào chữa cho bị cáo:

Bị cáo đi Taxi từ QS đến thuê phòng ở lại khách sạn MS để bán ma túy cho Nguyễn Lương T 03 lần, chi phí xe, phòng ở thì không có lời nên không phù hợp. Lời khai những người nghiện ma túy là không thể tin được, những người liên quan khai những lần mua bán ma túy ở QS là thuộc thẩm quyền của QS giải quyết. Tại phiên tòa bị cáo chỉ thừa nhận số lượng ma túy bắt trên xe Taxi 1,397 gam là của bị cáo nên bị cáo chỉ phạm tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy” là phù hợp. Viện kiểm sát truy tố bị cáo phạm tội: “Mua bán trái phép chất ma túy” là không thỏa đáng.

Bi cáo Trần Quang T không thừa nhận hành vi mua bán ma túy như cáo trạng của VKSND huyện DX truy tố. Bị cáo phạm tội tàng trữ ma túy chứ không phải là người mua bán ma túy.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của bị cáo Trần Quang T đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”, khẳng định cáo trạng truy tố bị cáo là có căn cứ và đúng pháp luật.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đồng thời là người làm chứng Nguyễn Lương T xác nhận lời khai của mình tại cơ quan điều tra là đúng. T đã nhiều lần mua ma túy của T2 và chính T2 đã đem ma túy đến nhà trọ của T vào chiều ngày 24/01/2018 nhưng do cha T đau nặng phải về gấp nên T không kịp lấy ma túy. Lúc đi trên xe taxi, T2 có cầm ma túy đưa cho T nhưng T không lấy. Gói ma túy trên xe là của Trần Quang T. Khi bị công an dừng xe taxi và kiểm tra trên người của T có thu giữ một số tài sản gồm tiền và điện thoại. Đây là tài sản của T, không liên quan đến việc mua bán ma túy nên đề nghị trả lại cho T.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có khiếu nại gì về kết luận giám định.

Bản Cáo trạng số 48/CT-VKSDX ngày 03/10/2018 VKSND huyện DX truy tố bị cáo Trần Quang T về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b, c khoản 2 Điều 251 BLHS 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

Và đề nghị áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 251 BLHS 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt Trần Quang T từ 07 đến 09 năm tù.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị tịch thu tiêu hủy 2 gói ma túy và các dụng cụ liên quan đến việc mua bán, sử dụng ma túy. Tịch thu sung quỹ điện thoại di động của T3, T2. Trả điện thoại và tiền cho Nguyễn Lương T. Tiếp tục tạm giữ số tiền của T2 để đảm bảo thi hành án.

Bị cáo thừa nhận chỉ tàng trữ ma túy chứ không mua bán ma túy.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Phân tích những chứng cứ xác định có tội, chứng cứ xác định không có tội:

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Trần Quang T không thừa nhận hành vi mua bán ma túy cho nhiều người. Tuy nhiên qua các chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, qua thẩm vấn công khai tại phiên tòa, đối chất với những người có liên quan, người làm chứng. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Thứ nhất: Lời khai của Phạm N, Nguyễn D, Trần Văn P, Hồ Huy Q và Mai Văn D, Nguyễn Lương T, Đoàn Nhật T, Nguyễn Thị Thu T, Lưu Văn C (lái xe) và Nguyễn Đức H (lái xe), tuy những người này không quen biết nhau, không mâu thuẫn gì với T2 nhưng đều thừa nhận số điện thoại 0933880521 là của Trần Quang T. Tại điện thoại di động của Nguyễn Đức Hải lái xe thường hay chở T2 đi còn lưu trong danh bạ điện thoại “A T2 và số điện thoại là 0933880521”. Tra cứu thuê bao thì đứng tên chủ thuê bao là Trần Thị Minh Hạnh trú tại: xã XH, Thị xã Long Khánh, tỉnh Đ N tuy nhiên chị Hạnh đã cung cấp lời khai tại Cơ quan điều tra là trước đây vào khoảng tháng 3 năm 2014, chị đã bị mất chứng minh nhân dân và đến tháng 4/2014 chị đã thay đổi CMND khác và đăng ký thuê bao điện thoại số 0933754959, Chị không đăng ký số 0933880521.

Đồng thời Phạm N, Nguyễn T2 Dương, Trần Văn Phúc, Hồ Huy Q và Mai Văn D đều thừa nhận đã nhiều lần mua ma túy của T2. Khi mua, những người này đều dùng số điện thoại di động của họ để liên lạc với số điện thoại 0933880521 của Trần Quang T để hỏi mua ma túy. T2 hẹn địa điểm và trực tiếp giao ma túy cho những người này, cũng có lần T2 hẹn nhà T2 để lấy ma túy. Những lời khai này đều phù hợp với nhau. Cùng với công tác nghiệp vụ điều tra nhận dạng qua hình ảnh, những người mua ma túy về sử dụng đều nhận ra Trần Quang T là người bán ma túy cho họ. Đồng thời tra cứu lịch sử các cuộc điện thoại của những người này và của bị cáo T2 thì thời gian liên lạc, số điện thoại đều trùng khớp với nhau.

Thứ hai: Lúc đầu T2 vào thuê phòng 105 (phòng đơn), sau T2 xin Lễ tân đổi qua

qua phòng 104 vì T2 đi có chị và cháu nữa, lúc này phòng 104 không có khách nào ở nên Lễ tân khách sạn (chị Hồng) đồng ý đổi T2 qua phòng 104 được. Việc T2 khai chiếc điện thoại Noki màu xanh số sim 0933880521 trong bao ny lông của T2, cơ quan điều tra thu giữ khi bắt trên xe taxi là của Cường C ở NP đang ở phòng 104 do hết pin nhờ T2 sạc giùm rồi T2 cầm theo luôn thì bị bắt giữ. Lời khai này mâu thuẫn lời khai của chị H lễ tân khách sạn MS (người đang quản lý chìa khóa phòng 104 thì làm sao có Cường C ở phòng 104). Đồng thời qua xác minh trên địa bàn thị trấn NP không có đối tượng tên Cường C (không có con người cụ thể, địa chỉ cụ thể) và T2 không chứng minh được đây là điện thoại của ai. Vì vậy, lời khai này của bị cáo không đúng thực tế, không hợp lý nên không chấp nhận.

Thứ ba: Nguyễn Lương T khai nhận trong các ngày từ ngày 21/01 đến ngày 24/01/2018, T đã nhiều lần liên lạc với số điện thoại 0933880521 của T2 để mua ma túy. T dùng rất nhiều số điện thoại và sim không đăng ký để điện thoại nên không nhớ là dùng số điện thoại nào. Trong tra cứu các tin nhắn đến của số 0933880521 thì vào khoảng thời gian 10h29p ngày 24/01/2018, T đã nhắn tin 2 lần cho T2, và ngày 23/01/2018, lúc 20h37p, T3 có nhắn tin cho T2 và trong ngày 23/01/2018, T và T3 có điện thoại cho T2 trong khoảng thời gian 20h34p đến 20h52p. Điều đó chứng minh việc liên lạc mua bán ma túy giữa T, T3 và T2 trong khoảng thời gian từ 22/01/đến 24/01 là có căn cứ. Và sau khi nhận tin nhắn vào lúc 10h29p của T thì khoảng 2 tiếng sau, T2 có đem ma túy đến phòng trọ của T. T đưa tiền cho T2 nhưng chưa kịp lấy ma túy thì T có việc nhà. Điều này phù hợp với lời khai của những người làm chứng, phù hợp về thời gian theo biên bản sự việc vào lúc 15h10p ngày 24/01/2018 của Công an huyện DX khi kiểm tra chiếc xe taxi của Lưu Văn C đang chở T2, T, T3 đi thì bị bắt quả tang gói ma túy cùng T2 trên xe.

Thứ tư: Tại phiên tòa ngày 03/01/2019 qua đấu tranh, đối chất với người làm chứng và người có nghĩa vụ liên quan bị cáo thừa nhận gói ma túy bắt trên xe Taxi là của bị cáo. Tại 02 phiên tòa, ông H và ông C (lái xe Taxi) thừa nhận bị cáo T2 dùng số điện thoại 0933880521 để điện nhờ chở đi là phù hợp tất cả các chứng cứ khác đã được thẩm tra tại phiên tòa, đánh giá toàn diện các chứng cứ thu thập được trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa đã chứng minh được lời khai của bị cáo là bịa đặt, quanh co, không phù hợp với thực tế khách quan, nên không có căn cứ chấp nhận.

Như vậy, trong khoảng thời gian từ tháng 11/2017 đến ngày 24/01/2018, Trần Quang T đã thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy là methamphetamine 16 lần cho các đối tượng nghiện với tổng số tiền 5.700.000 đồng (năm triệu bảy trăm ngàn đồng). Việc mua bán ma túy không xác định khối lượng ma túy cụ thể mà chỉ ước lượng khối lượng bán qua số tiền người mua. Số ma túy (có chứa methamphetamine) Cơ quan điều tra thu giữ của Trần Quang T trên xe taxi ngày 24/01/2018 theo kết luận giám định có khối lượng là 1,397gam.

Vì vậy, có căn cứ kết luận bị cáo Trần Quang T đã phạm vào tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo điểm b, c khoản 2 điều 251 BLHS. Cáo trạng số 48/CT-VKSDX ngày 03/10/2018 VKSND của Viện kiểm sát nhân dân huyện DX truy tố các bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2] Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến trật tự quản lý độc quyền của Nhà nước về ma túy, làm tăng lượng ma túy trái phép trong xã hội, gây ảnh hưởng nghiêm trọng trật tự an toàn xã hội và làm gia tăng các loại tệ nạn xã hội khác. Đặc biệt hiện nay, ma túy đang lan rộng ngoài xã hội, làm ảnh hưởng nghiêm trọng trật tự an toàn xã hội tại địa phương. Vì vậy cần phải xử bị cáo nghiêm và cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian để giáo dục, cải tạo bị cáo thành công dân tốt cho xã hội.

[3] Tại phiên tòa bị cáo có thái độ thành khẩn chưa cao. Ngoài ra bị cáo không có tình tiết nào giảm nhẹ, nên bị cáo được áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS.

Bị cáo không có tiền án nhưng có nhân thân xấu. Ngày 15/7/2009 bị TAND huyện QS, tỉnh QN xử phạt 12 tháng tù giam về tội “Trộm cắp tài sản”. Ngày 29/01/2010 bị TAND huyện T N, tỉnh Q N xử phạt 60 tháng tù giam về tội “Cướp giật tài sản”, tổng hợp hình phạt 70 tháng 02 ngày giam. Đến ngày 22/01/2014, bị cáo chấp hành xong hình phạt và toàn bộ bản án nên được xóa án tích.

Ngày 06/01/2016, bị cáo bị Tòa án nhân dân quận 8, TP. HCM áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc với thời hạn 19 tháng. Chấp hành xong vào ngày 5/5/2017 nên đây là tiền sự của bị cáo.

[4] Về xử lý vật chứng: Quá trình điều tra xác định số tiền 5.700.000đ và 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu xanh của Trần Quang T, điện thoại di động Nokia màu đen của Đoàn Nhật T có gắn sim số 0868600637 dùng để liên lạc mua bán ma túy nên tịch thu sung quỹ. Các vật chứng khác được thu giữ trong vụ án thì tịch thu tiêu hủy. Đối với 02 chiếc điện thoại di động hiệu MI và máy tính bảng hiệu Huawei của Trần Quang T và số tiền 4.250.000 thì kê biên để đảm bảo thi hành án. Đối với chiếc điện thoại Asus và số tiền 5.600.000đ thu giữ trong người của Nguyễn Lương T không liên quan đến việc mua bán ma túy thì trả lại cho Nguyễn Lương T. Trả cho Đoàn Nhật T 01 ĐTDĐ hiệu Asus. Đối với chiếc điện thoại di động Nokia màu đen không có cục pin của Trần Quang T vì không còn sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

[5] Đối với 5,226gam ma túy tổng hợp Methamphetamine thu giữ tại Phòng 104 Khách sạn MS. Qua điều tra không đủ cơ sở chứng minh là của Trần Quang T nên không truy cứu trách nhiệm hình sự về hành vi này.

Đối với Cường C, T, T Bình Lâm, theo lời khai của bị can Trần Quang T. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tiến hành điều tra, xác minh nhưng không có địa chỉ cụ thể, không có con người cụ thể nên không có cơ sở xử lý các đối tượng này.

Đối với Nguyễn Lương T, Đoàn Nhật T, Nguyễn Thị Thu Trinh đã có hành vi mua và sử dụng trái phép chất ma túy Cơ quan Cảnh sát điều tra chuyển Công an huyện DX xử phạt hành chính là phù hợp.

Đối với Phạm N, Nguyễn T2 Dương, Trần Văn Phúc, Hồ Huy Q và Mai Văn D, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện DX T báo cho Công an thị trấn Đ P, huyện QS xử lý theo thẩm quyền là đúng quy định.

[6] Về hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện DX, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện DX, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[7] Về án phí: Căn cứ Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội buộc bị cáo Trần Quang T phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo **Trần Quang T** phạm tội: “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Căn cứ điểm b, c khoản 2 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51, Bộ luật hình sự, xử phạt Trần Quang T 09 (chín) năm tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù: Tính từ ngày 24/01/2018.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 47 BLHS, Điều 106 BLTTHS:

- Truy thu sung quỹ số tiền T2 bán ma túy 5.700.000đ và tịch thu sung quỹ 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu xanh của Trần Quang T có gắn thẻ sim 0933880521, 01 điện thoại di động Nokia màu đen của Đoàn Nhật T có gắn thẻ sim số 0868600637.

- Kê biên 01 ĐTDD màu trắng hiệu MI và 01 máy tính bảng hiệu Huawei và số tiền 4.250.000đ (Bốn triệu hai trăm năm mươi ngàn) của Trần Quang T để đảm bảo thi hành án. Số tiền thu giữ của bị cáo hiện đang tạm gửi tài khoản của Công an huyện DX tỉnh QN số 3949.0.1053629.00000 tại Kho bạc Nhà nước huyện DX, tỉnh QN, ngày nộp 02/3/2018.

- Tịch thu tiêu hủy: 01(một) bì thư màu trắng của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh QN số 12/PC54 ngày 01/02/2018 (vật hoàn trả sau giám định); 01 bì niêm phong của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh QN chứa mẫu vật giám định dấu vết đường vân trên 01 cân tiểu ly, nhãn hiệu “elix”, bằng kim loại, kích thước 12cmX6,2cmX2cm; 02 cây roi điện màu đen; 02 bình xịt hơi cay màu xanh hiệu Nato; 01 bình thủy tinh; 01 ống thủy tinh (nỏ) dùng để sử dụng ma túy; 03 kéo kim loại; 06 ống hút nhựa; 01 đoạn su màu trắng; 01 cuộn băng keo đen; 08 vỏ bao ni lông cắt hờ một đầu; 01 vỏ nắp nhựa trên nắp có hai lỗ tròn; 02 mẫu giấy màu trắng có quấn băng keo đen bên ngoài; 01

Chứng minh nhân dân mang tên Chu Văn D số 272218816 và 01 ĐTDĐ Nokia màu đen không có cục pin.

Trường hợp Trần Quang T chậm trả tiền thì phải chịu khoản tiền lãi phát sinh do chậm trả tiền theo quy định tại khoản 2 Điều 357 BLDS.

- Trả cho Đoàn Nhật T 01 ĐTDĐ hiệu Asus

- Trả cho Nguyễn Lương T 01 ĐTDĐ hiệu Asus và số tiền 5.600.000đ (Năm triệu sáu trăm ngàn đồng)

Tất cả vật chứng trên do Chi cục thi hành án dân sự huyện DX quản lý.

Về án phí: Bị cáo Trần Quang T phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm bị cáo có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm để đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh QN xét xử phúc thẩm.

Đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- VKSND huyện DX;
- Chi cục THADS huyện DX;
- Bị cáo, những người TGTG khác;
- TAND tỉnh QN;
- VKSND tỉnh QN
- VP công an huyện DX;
- Lưu HS-AV.

Nguyễn Minh Quốc

